TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2022
V/v: "Ly hôn giữa chị N và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình

Ông Nguyễn Văn Hinh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 19, thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**- Sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 20, thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2022 được bổ sung tại bản tự khai ngày 06/10/2022 nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào ngày 22 tháng 12 năm 2008, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 10 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T rượu chè không chịu làm ăn vợ chồng không có con cái dù chạy chữa nhiều nơi. Khoảng năm 2019 vợ chồng chị vào Nam để chữa bệnh tại bệnh viện Từ Dũ nhưng anh T ngày càng rượu chè không tìm được việc sau đó anh bỏ về quê ở từ

đó vợ chồng ly thân. Chị xác định vợ chồng có tiếp tục chung sống cũng không có tương lai nên đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Giữa chị và anh Trần Văn T chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2022, bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 22/10/2008. Sau khi cưới vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Giữa anh và chị Nguyễn Thị N chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1.Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm.

2.Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện củachịNguyễnThịN. Xử choly hôn giữachị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T.

2. Về án phí DSST: chịNphải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 22 tháng 12 năm 2008; vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị N và anh T nảy sinh mâu thuẫn do không có con, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2020 đến nay do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng ly thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Chị N và anh T đều xác định hôn nhân đã tan vỡ, nay chị N xin ly hôn, anh T nhất trí.

[4] Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T với những mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn T của chị Nguyễn Thị N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T chưa có con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1.*Về hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T.

2.*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0004738 ngày 06 tháng 10 năm 2022

3.*Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện N;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Bùi Xuân Thọ